

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
☸☸☸

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC  
☸☸☸



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN HỢP NHẤT  
6 THÁNG NĂM 2023**





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 19 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
	<i>(từ ngày 15 tháng 4 năm 2023)</i>
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên
	<i>(đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)</i>

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 8 năm 2023

003585  
Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số:.....Quyển số:01/202...-SCT/BS

Ngày 14-08-2023



Trần Thị Bảo Khuyên



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-04-00012-23-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2019-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.611.425.040.830</b>	<b>1.602.874.533.011</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>25.038.150.232</b>	<b>24.500.930.736</b>
Tiền	111		25.038.150.232	17.500.930.736
Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>228.740.964.000</b>	<b>139.255.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	228.740.964.000	139.255.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>425.052.815.518</b>	<b>460.474.879.436</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	412.247.706.911	447.460.848.580
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.296.480.999	13.934.866.168
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	2.342.860.000	2.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	6.875.756.954	4.054.277.249
Dự phòng phải thu khó đòi	137	14	(5.709.989.346)	(7.726.372.561)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>830.308.159.864</b>	<b>934.557.972.407</b>
Hàng tồn kho	141		850.720.715.229	987.079.062.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.412.555.365)	(52.521.090.080)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>102.284.951.216</b>	<b>44.085.750.432</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	10.113.783.559	9.128.137.752
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		92.166.901.953	34.953.346.976
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22(a)	4.265.704	4.265.704

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>759.736.284.055</b>	<b>791.788.014.279</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.227.320.545</b>	<b>10.651.446.545</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	5.857.150.000	7.614.280.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	3.370.170.545	3.037.166.545
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>685.625.905.390</b>	<b>702.843.197.952</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	683.559.304.711	700.375.819.420
<i>Nguyên giá</i>	222		2.015.631.422.006	1.984.326.610.724
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.332.072.117.295)	(1.283.950.791.304)
Tài sản cố định vô hình	227	17	2.066.600.679	2.467.378.532
<i>Nguyên giá</i>	228		12.593.614.322	12.593.614.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.527.013.643)	(10.126.235.790)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>812.800.000</b>	<b>13.816.482.196</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	812.800.000	13.816.482.196
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10(b)</b>	<b>17.542.559.947</b>	<b>16.359.634.355</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		16.592.536.598	15.409.611.006
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.805.678.651)	(6.805.678.651)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.527.698.173</b>	<b>48.117.253.231</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	43.784.561.347	41.043.750.562
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	2.743.136.826	7.073.502.669
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.371.161.324.885</b>	<b>2.394.662.547.290</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.549.578.424.140</b>	<b>1.510.140.242.880</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.307.579.694.109</b>	<b>1.236.578.952.675</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	203.164.723.331	247.458.763.604
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.123.054.244	13.225.730.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22(b)	43.213.727.523	34.928.852.934
Phải trả người lao động	314		279.011.424.862	311.860.046.804
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	7.855.169.380	5.896.536.953
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		671.891.627	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	26.665.061.616	24.333.865.250
Vay ngắn hạn	320	25(a)	645.443.425.422	530.686.157.557
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	82.431.216.104	68.188.999.432
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>241.998.730.031</b>	<b>273.561.290.205</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.512.912.296	4.882.461.916
Vay dài hạn	338	25(b)	238.485.817.735	268.678.828.289
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>821.582.900.745</b>	<b>884.522.304.410</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>821.582.900.745</b>	<b>884.522.304.410</b>
Vốn cổ phần	411	28	360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.300.280.000	1.752.940.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	206.579.950.294	178.026.784.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		212.023.990.806	362.110.088.453
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		130.217.361.690	98.761.374.269
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		81.806.629.116	263.348.714.184
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.651.599.645	42.601.741.636
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.371.161.324.885</b>	<b>2.394.662.547.290</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	2.312.081.272.974	2.587.796.919.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	2.153.820.497	110.489.859
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>2.309.927.452.477</b>	<b>2.587.686.429.761</b>
Giá vốn hàng bán	11	33	2.107.786.118.174	2.283.767.335.413
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>202.141.334.303</b>	<b>303.919.094.348</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	36.865.478.028	30.455.489.943
Chi phí tài chính	22	35	30.925.667.086	24.144.268.735
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.527.376.381	9.768.444.608
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.825.725.592	910.306.519
Chi phí bán hàng	25	36	38.847.834.687	70.043.777.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	71.824.638.287	74.297.849.648
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>99.234.397.863</b>	<b>166.798.994.927</b>
Thu nhập khác	31	38	5.759.591.645	3.960.621.321
Chi phí khác	32	39	4.880.303.858	708.857.422
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>879.287.787</b>	<b>3.251.763.899</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>100.113.685.650</b>	<b>170.050.758.826</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	14.223.554.356	28.852.814.612
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	41	4.330.365.843	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>81.559.765.451</b>	<b>141.197.944.214</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52) (trang trước mang sang)	60		81.559.765.451	141.197.944.214
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		81.806.629.116	133.368.239.691
Cổ đông không kiểm soát	62		(246.863.665)	7.829.704.523
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	2.189	3.398

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>100.113.685.650</b>	<b>170.050.758.826</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		62.540.707.583	62.948.909.906
Các khoản dự phòng	03		(34.124.917.930)	258.054.048
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.917.562.631	8.206.591.988
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.240.340.061)	(3.784.661.859)
Chi phí lãi vay	06		18.527.376.381	9.768.444.608
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>142.734.074.254</b>	<b>247.448.097.517</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(15.663.669.478)	(51.341.094.196)
Biến động hàng tồn kho	10		136.358.347.258	(15.878.123.808)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(21.404.373.283)	11.244.058.969
Biến động chi phí trả trước	12		(3.770.261.818)	(3.395.231.415)
			<b>238.254.116.933</b>	<b>188.077.707.067</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.558.921.153)	(10.003.157.174)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	22	(30.993.045.087)	(23.435.311.104)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	56.290.577
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	26	(8.308.329.863)	(9.686.482.506)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>180.415.460.249</b>	<b>145.009.046.860</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.684.675.967)	(61.809.550.421)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		305.126.873	646.852.693
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(139.740.964.000)	(140.066.440.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		52.420.530.000	35.480.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.836.771.663	2.230.307.539
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(138.863.211.431)</b>	<b>(163.518.830.189)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	1.828.042.294.245	1.970.446.054.130
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.748.887.933.567)	(1.952.567.292.823)
Tiền trả cổ tức	36	(120.169.390.000)	(26.100.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(41.015.029.322)</b>	<b>(8.221.967.193)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>537.219.496</b>	<b>(26.731.750.522)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>24.500.930.736</b>	<b>58.586.417.754</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>25.038.150.232</b>	<b>31.854.667.232</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty	
		30/6/2023	1/1/2023
<b>Công ty con</b>			
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	30,61%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 10.155 nhân viên (1/1/2023: 10.339 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo tài chính lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo Phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Riêng đối với báo cáo bộ phận, Tổng Công ty thực hiện trình bày số liệu làm tròn đến hàng nghìn (Thuyết minh 8).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực bao gồm may mặc và sản xuất sợi.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào vị trí địa lý của thị trường và khách hàng của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

- May mặc
- Sợi

	May mặc		Sợi		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 Nghìn VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.840.901.066	1.921.518.926	471.180.207	666.277.994	-	-	2.312.081.273	2.587.796.920
Doanh thu giữa các bộ phận	76.302.956	61.639.167	18.651.802	25.760.088	(94.954.758)	(87.399.255)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.917.204.022</b>	<b>1.983.158.093</b>	<b>489.832.009</b>	<b>692.038.082</b>	<b>(94.954.758)</b>	<b>(87.399.255)</b>	<b>2.312.081.273</b>	<b>2.587.796.920</b>
Kết quả kinh doanh của bộ phận	197.881.366	180.702.115	4.259.968	123.216.979	-	-	202.141.334	303.919.094
Doanh thu tài chính							36.865.478	30.455.490
Chi phí tài chính							(30.925.667)	(24.144.269)
Phân lãi trong công ty liên kết							1.825.726	910.307
Chi phí không phân bổ							(110.672.473)	(144.341.627)
Kết quả hoạt động khác không phân bổ							879.288	3.251.764
<b>Lợi nhuận trước thuế không phân bổ</b>							<b>100.113.686</b>	<b>170.050.759</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành							14.223.554	28.852.815
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							4.330.366	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>							<b>81.559.766</b>	<b>141.197.944</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	May mặc		Sợi		Tổng cộng	
	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.526.231.143	1.623.072.965	470.494.193	546.423.217	1.996.725.336 374.435.989	2.169.496.182 225.166.365
<b>Tổng tài sản</b>					<b>2.371.161.325</b>	<b>2.394.662.547</b>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	916.445.556	940.381.827	340.596.536	295.337.031	1.257.042.092 292.536.332	1.235.718.858 274.421.385
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.549.578.424</b>	<b>1.510.140.243</b>
<b>Chi tiêu vốn</b>					<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2022</b>
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					<b>Nghìn VND</b>	<b>Nghìn VND</b>
Khấu hao tài sản cố định vô hình					54.684.676	61.809.550
					62.096.125	62.543.058
					400.778	362.047

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Thụy Điển
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	736.895.515	525.314.868	277.743.666	48.473.053	95.731.493	206.994.441	420.928.237	2.312.081.273
Kết quả kinh doanh của bộ phận	44.896.085	62.187.654	22.621.346	1.029.428	45.483.384	12.033.823	13.889.614	202.141.334
Thu nhập không phân bổ								38.691.204
Chi phí không phân bổ								141.598.140
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								99.234.398
Thu nhập khác								5.759.592
Chi phí khác								4.880.304
Chi phí thuế TNDN hiện hành								14.223.554
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								4.330.366
Lợi nhuận thuần sau thuế								81.559.766

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Thụy Điển Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	729.349.243	573.722.155	214.108.199	217.285.660	225.162.052	231.926.531	396.243.080	2.587.796.920
Kết quả kinh doanh của bộ phận	47.623.147	56.119.917	14.432.893	47.421.172	72.846.679	10.208.690	55.266.596	303.919.094
Thu nhập không phân bổ								31.365.796
Chi phí không phân bổ								168.485.895
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								166.798.995
Thu nhập khác								3.960.621
Chi phí khác								708.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp								28.852.815
Lợi nhuận thuần sau thuế								141.197.944

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022, hầu hết tài sản bộ phận của Tổng Công ty chi tập trung trong một vùng địa lý là Việt Nam.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	165.656.300	167.344.719
Tiền gửi ngân hàng	24.872.493.932	17.333.586.017
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>25.038.150.232</b>	<b>24.500.930.736</b>

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	228.740.964.000	228.740.964.000	139.255.000.000	139.255.000.000
	<hr/>		<hr/>	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 5,2% đến 11,2% (1/1/2023: từ 4,9% đến 11,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 43.000 triệu VND (1/1/2023: 43.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 25).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Địa chỉ	30/6/2023				1/1/2023					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:										
<b>Công ty liên kết</b>										
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	642.800	30,61%	30,61%	15.332.490.351	-	642.800	32,14%	32,14%	14.846.135.496	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	400.000	20,00%	20,00%	1.260.046.247	-	400.000	20,00%	20,00%	563.475.510	-
				16.592.536.598	-				15.409.611.006	-
<b>Đơn vị khác</b>										
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
				7.755.702.000	(6.805.678.651)				7.755.702.000	(6.805.678.651)
				24.348.238.598	(6.805.678.651)				23.165.313.006	(6.805.678.651)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Motives International (Hong Kong) Limited	139.003.293.271	139.903.797.596
Haggar Clothing Co.	98.146.028.337	91.560.398.308
Các khách hàng khác	175.098.385.303	215.996.652.676
	<hr/>	<hr/>
	412.247.706.911	447.460.848.580

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 53.144 triệu VND (1/1/2023: 22.024 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	231.798.040	159.181.030
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ – Phú Ninh	216.158.500	-
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	2.356.900	-
	<hr/>	<hr/>
	450.313.440	159.181.030

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	8.200.010.000	9.371.440.000
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	-	994.100.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>8.200.010.000</b>	<b>10.365.540.000</b>
	<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản cho vay không có đảm bảo, hưởng lãi suất 10,0%/năm và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 25 tháng 1 năm 2022.

**(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kì hạn thanh toán**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.751.260.000
Dài hạn	5.857.150.000	7.614.280.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>8.200.010.000</b>	<b>10.365.540.000</b>
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lãi phải thu	2.706.018.293	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	272.043.000	104.481.000
Tạm ứng nhân viên	953.168.893	1.107.894.840
Thuế nhập khẩu tạm nộp	849.127.175	1.207.210.507
Phải thu khác	2.095.399.593	1.634.690.902
	<b>6.875.756.954</b>	<b>4.054.277.249</b>

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ	2.450.000.000	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	920.170.545	587.166.545
	<b>3.370.170.545</b>	<b>3.037.166.545</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2023			1/1/2023				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	(2.016.383.215)	864.164.235
		<u>5.709.989.346</u>	<u>(5.709.989.346)</u>	<u>-</u>		<u>8.590.536.796</u>	<u>(7.726.372.561)</u>	<u>864.164.235</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(5.709.989.346)

(7.726.372.561)



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	114.895.635.770	(9.569.546.324)	57.520.651.683	(4.022.010.507)
Nguyên vật liệu	198.596.387.073	(6.904.693.308)	293.527.557.391	(34.039.865.021)
Công cụ và dụng cụ	3.163.838.514	-	508.599.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	410.634.355.951	(1.418.282.238)	416.214.620.311	(4.356.132.106)
Thành phẩm	48.540.480.467	(2.082.829.827)	54.011.314.325	(9.657.502.023)
Hàng hóa	5.853.606.971	(437.203.668)	6.259.266.067	(445.580.423)
Hàng gửi đi bán	69.036.410.483	-	159.037.053.694	-
	<b>850.720.715.229</b>	<b>(20.412.555.365)</b>	<b>987.079.062.487</b>	<b>(52.521.090.080)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 167.953 triệu VND (1/1/2023: 238.074 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 715.376 triệu VND (1/1/2023: 755.612 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 25(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	468.086.301.287	1.316.153.913.583	87.471.651.025	9.536.080.162	103.078.664.667	1.984.326.610.724
Tăng trong kỳ	794.849.608	4.620.896.106	1.078.922.043	120.950.000	379.260.727	6.994.878.484
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.932.744	38.202.488.750	17.309.817	-	-	38.284.731.311
Phân loại lại	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
Số dư cuối kỳ	466.907.387.932	1.348.886.514.609	87.561.439.102	9.657.030.162	102.619.050.201	2.015.631.422.006
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	199.043.420.649	942.321.345.190	47.533.822.535	7.785.939.029	87.266.263.901	1.283.950.791.304
Khấu hao trong kỳ	12.150.789.670	42.158.598.340	4.300.336.514	347.338.173	3.139.061.807	62.096.124.504
Phân loại lại	(2.038.695.707)	2.038.695.707	-	-	-	-
Thanh lý	-	(12.129.479.537)	(1.006.443.783)	-	(838.875.193)	(13.974.798.513)
Số dư cuối kỳ	209.155.514.612	974.389.159.700	50.827.715.266	8.133.277.202	89.566.450.515	1.332.072.117.295
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	269.042.880.638	373.832.568.393	39.937.828.490	1.750.141.133	15.812.400.766	700.375.819.420
Số dư cuối kỳ	257.751.873.320	374.497.354.909	36.733.723.836	1.523.752.960	13.052.599.686	683.559.304.711

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 827.814 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 770.746 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 371.769 triệu VND (1/1/2023: 381.667 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	12.593.614.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	10.126.235.790
Khấu hao trong kỳ	400.777.853
Số dư cuối kỳ	10.527.013.643
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.467.378.532
Số dư cuối kỳ	2.066.600.679

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.371 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 7.913 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.816.482.196	14.352.120.576
Tăng trong kỳ	25.281.049.115	67.161.285.778
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(38.284.731.311)	(66.510.213.660)
Số dư cuối kỳ	812.800.000	15.003.192.694

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Thiết bị công nghệ thông tin	724.300.000	-
Máy móc thiết bị sợi	-	13.367.742.196
Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
	812.800.000	13.816.482.196

**19. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	847.769.956	3.071.969.024
Công cụ và dụng cụ	4.107.474.339	1.359.748.228
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.103.812.929	498.110.110
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.054.726.335	4.198.310.390
	10.113.783.559	9.128.137.752

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.840.258.372	14.748.232.145	22.455.260.045	41.043.750.562
Tăng trong kỳ	-	3.899.427.714	8.433.545.981	12.332.973.695
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(4.714.929.769)	(4.818.322.014)	(9.577.057.009)
Thanh lý	-	(15.105.901)	-	(15.105.901)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.796.453.146</b>	<b>13.917.624.189</b>	<b>26.070.484.012</b>	<b>43.784.561.347</b>

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	2.464.680.975	6.727.647.141
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – công ty con	5%	278.455.851	345.855.528
		<b>2.743.136.826</b>	<b>7.073.502.669</b>

**21. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Hultafors Group AB	15.065.463.375	41.205.311.087
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	5.041.906.263	12.736.138.715
Các nhà cung cấp khác	183.057.353.693	193.517.313.802
	<b>203.164.723.331</b>	<b>247.458.763.604</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.322.992.963	5.023.685.489
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	9.107.494.155	18.462.790.590
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	28.035.696	7.859.651
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	722.796.245	161.737.569
	<b>15.181.319.059</b>	<b>23.656.073.299</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**22. Thuế và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2023	Số phát sinh	Phân loại lại	30/6/2023
	VND	trong kỳ	VND	VND
		VND	VND	
Thuế đất phi nông nghiệp	4.265.704	-	-	4.265.704
				<b>4.265.704</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.766.804.205	66.770.240.226	(46.602.838.899)	23.934.205.532
Thuế nhập khẩu	56.980.038	2.549.189.503	(2.604.978.068)	1.191.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.336.893.961	14.223.554.356	(30.993.045.087)	13.567.403.230
Thuế thu nhập cá nhân	768.174.730	7.371.159.367	(5.782.917.046)	2.356.417.051
Các loại thuế khác	-	3.679.051.864	(324.541.627)	3.354.510.237
	34.928.852.934	94.593.195.316	(86.308.320.727)	43.213.727.523

**23. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí hoạt động	4.537.625.574	4.670.621.801
Chi phí lãi vay	391.985.080	423.529.852
Chi phí tiền điện, nước	2.369.737.818	136.727.464
Các khoản trích trước khác	555.820.908	665.657.836
	7.855.169.380	5.896.536.953

**24. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	17.406.276.222	15.626.312.053
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	2.934.652.318	2.506.906.124
Cổ tức phải trả	1.517.892.600	1.132.452.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	-	832.771.781
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.806.240.476	4.235.422.692
	26.665.061.616	24.333.865.250

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong kỳ			30/6/2023
		1/1/2023	Tăng	Giảm	
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	488.687.245.837	1.828.042.294.245	(1.704.023.670.531)	617.724.766.084
	Vay dài hạn đến hạn trả (b)	41.998.911.720	18.084.846.282	(32.375.756.369)	27.718.659.338
		530.686.157.557	1.846.127.140.527	(1.736.399.426.900)	645.443.425.422

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023	1/1/2023
			VND	VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	3,0% - 3,2%	316.579.787.425	315.182.355.128
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,2%	49.193.694.200	58.616.896.720
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,6% - 3,8%	40.614.416.625	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,6% - 3,8%	16.098.252.408	21.820.622.789
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,2%	52.600.739.050	-
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	3,2%	59.395.545.413	-
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	2,1% - 2,2%	-	44.392.085.507
Vay ngân hàng 8 (i)	USD	3,2 - 3,3%	82.972.330.963	48.375.285.693
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	9,0%	270.000.000	300.000.000
			617.724.766.084	488.687.245.837

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 10(a)), một số các khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 15) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	266.204.477.073	310.677.740.009
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(27.718.659.338)	(41.998.911.720)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	238.485.817.735	268.678.828.289



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	VND	5,5%	2024	15.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngân hàng 2 (i)	VND	8,0%	2025	40.417.705.972	77.131.077.962
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	3.410.000.000	4.030.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	207.376.771.101	209.516.662.047
				<hr/>	<hr/>
				266.204.477.073	310.677.740.009

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16 và Thuyết minh 10(a)).

(ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 16).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	68.188.999.432	69.175.100.458
Trích lập trong kỳ	22.528.907.116	11.170.216.362
Tăng khác	21.639.419	56.290.577
Sử dụng trong kỳ	(8.308.329.863)	(9.686.482.506)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	82.431.216.104	70.715.124.891

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	236.250.000.000	1.176.340.000	140.963.518.580	234.646.810.143	40.761.999.959	653.798.668.682
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	133.368.239.691	7.829.704.523	141.197.944.214
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	37.063.265.741	(37.063.265.741)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	(23.625.000.000)	(2.551.000.000)	(26.176.000.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	576.600.000	-	(576.600.000)	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	63.780.750.000	-	-	(63.780.750.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.839.820.133)	(330.396.229)	(11.170.216.362)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	300.030.750.000	1.752.940.000	178.026.784.321	232.129.613.960	45.710.308.253	757.650.396.534
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	300.030.750.000	1.752.940.000	178.026.784.321	362.110.088.453	42.601.741.636	884.522.304.410
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	81.806.629.116	(246.863.665)	81.559.765.451
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.553.165.973	(28.553.165.973)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	(120.012.300.000)	(1.957.962.000)	(121.970.262.000)
Cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	1.547.340.000	-	(1.547.340.000)	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	59.996.330.000	-	-	(59.996.330.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.783.590.790)	(745.316.326)	(22.528.907.116)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	360.027.080.000	3.300.280.000	206.579.950.294	212.023.990.806	39.651.599.645	821.582.900.745



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Đã phát hành và đang lưu hành Số cổ phiếu	%	Đã phát hành và đang lưu hành Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	61,87%	18.561.838	61,87%
Các cổ đông khác	13.728.503	38,13%	11.441.237	38,13%
	36.002.708	100%	30.003.075	100%

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023		30/6/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.999.633	59.996.330.000	6.378.075	63.780.750.000
Số dư cuối kỳ	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**30. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 120.012 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 59.996 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 20%) cho năm 2022 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: cổ tức bằng tiền trị giá 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%) cho năm 2021).

**31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	28.584.929.532	28.338.752.963
Trong vòng hai đến năm năm	114.270.209.439	108.822.921.969
Sau năm năm	198.756.214.344	163.613.513.729
	<hr/>	<hr/>
	341.611.353.315	300.775.188.661
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	576.891	13.508.833.976	227.196	5.316.327.203
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	256.500.000.000	43.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	5.742.000.000
	<b>256.500.000.000</b>	<b>48.842.000.000</b>

**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.306.230.480.655	2.584.033.679.428
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.850.792.319	3.763.240.192
	<b>2.312.081.272.974</b>	<b>2.587.796.919.620</b>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.821.604.478)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(332.216.019)	(110.489.859)
	<b>(2.153.820.497)</b>	<b>(110.489.859)</b>
Doanh thu thuần	<b>2.309.927.452.477</b>	<b>2.587.686.429.761</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	2.138.009.689.239	2.282.698.778.177
Giá vốn dịch vụ khác	1.884.963.650	1.222.793.095
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.108.534.715)	(154.235.859)
	<hr/>	<hr/>
	2.107.786.118.174	2.283.767.335.413

**34. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	5.941.487.596	2.062.307.539
Cổ tức được chia	168.000.000	168.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.738.105.307	28.221.549.390
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.885.125	3.633.014
	<hr/>	<hr/>
	36.865.478.028	30.455.489.943

**35. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.527.376.381	9.768.444.608
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.480.728.074	5.872.522.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.917.562.631	8.206.591.988
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	296.709.522
	<hr/>	<hr/>
	30.925.667.086	24.144.268.735

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.802.908.718	2.543.308.280
Chi phí vật liệu, bao bì	318.924.275	318.104.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.171.118	490.255.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.354.228.888	59.264.975.225
Chi phí khác	6.897.601.688	7.427.133.757
	<hr/>	<hr/>
	38.847.834.687	70.043.777.500
	<hr/>	<hr/>

**37. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	38.874.380.363	36.170.100.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.319.896.050	4.829.233.183
Thuế, phí và lệ phí	3.408.741.629	6.573.102.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.098.723.324	10.788.910.811
(Hoàn nhập)/dự phòng phải thu khó đòi	(2.016.383.215)	176.297.000
Chi phí khác	16.139.280.136	15.760.205.298
	<hr/>	<hr/>
	71.824.638.287	74.297.849.648
	<hr/>	<hr/>

**38. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	305.126.873	644.047.801
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	4.945.630.938	1.844.063.881
Các khoản thu nhập khác	508.833.834	1.472.509.639
	<hr/>	<hr/>
	5.759.591.645	3.960.621.321
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	Error! Reference source not found. VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	4.257.615.913	8.986.278
Các khoản chi phí khác	622.687.945	699.871.144
	<b>4.880.303.858</b>	<b>708.857.422</b>

**40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.168.217.678.466	1.257.236.801.046
Chi phí nhân viên	614.255.239.025	723.801.647.342
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.540.707.583	62.948.909.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	272.099.216.517	351.225.039.774

**41. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	Error! Reference source not found. VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	13.568.044.055	28.852.814.612
Dự phòng thiếu trong những năm trước	655.510.301	-
	<b>14.223.554.356</b>	<b>28.852.814.612</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	4.330.365.843	-
	<b>18.553.920.199</b>	<b>28.852.814.612</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.113.685.650	170.050.758.826
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	20.022.737.130	34.010.151.765
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(202.199.031)	(2.859.131.943)
Chi phí không được khấu trừ thuế	294.455.292	352.889.112
Thu nhập không bị tính thuế	(398.745.118)	(33.600.000)
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(13.979.934)
Ưu đãi thuế tại công ty con	-	(1.429.565.972)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(1.431.362.649)	(1.173.948.416)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	655.510.301	-
Giảm thuế (*)	(386.475.726)	-
	18.553.920.199	28.852.814.612

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(ii) Đối với các công ty con**

Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ – Thăng Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2016 đến 2030), miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm lập báo cáo, chi tiết như sau:

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 (Số cổ phiếu)	30/6/2022 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	30.003.075	23.625.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	5.999.633	12.377.708
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ</b>	<b>36.002.708</b>	<b>36.002.708</b>

**(b) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	81.806.629.116	133.368.239.691
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(3.000.000.000)	(11.031.909.409)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)</b>	<b>78.806.629.116</b>	<b>122.336.330.282</b>
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)</b>	<b>36.002.708</b>	<b>36.002.708</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.189</b>	<b>3.398</b>

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên ước tính của Ban điều hành Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2023.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28) theo quy định tại mục 24 của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu và theo số phân bổ thực tế lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26) như sau:

	<b>Lợi nhuận thuần trong kỳ VND</b>	<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	128.368.239.691	30.003.075	4.279
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.031.909.409)	-	(201)
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	5.999.633	(680)
<b>Số điều chỉnh lại</b>	<b>122.336.330.282</b>	<b>36.002.708</b>	<b>3.398</b>

**43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>	<b>30/6/2022 VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	74.247.352.000	14.615.621.000
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	37.123.670.000	39.462.170.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.075.751.455	1.194.684.759
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.283.352.320	8.300.451.170
Chi phí lãi vay	6.966.074.591	1.855.039.474
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.087.156.990	800.093.448
Mua hàng hóa và dịch vụ	47.464.198.691	45.639.919.086
Cho vay	-	5.055.440.000
Nhận hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	-
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	566.697.640	267.292.070

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	195.605.997	282.518.169
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.816.160.711	48.819.297.093
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	642.800.000	1.285.600.000
Cổ tức công bố và trả	260.000.000	520.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	60.168.021	129.818.201
Mua hàng hóa và dịch vụ	464.667.935	63.411.820
<b>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín</b>		
Mua dịch vụ	3.499.982.298	2.163.713.770
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương, thưởng	1.412.010.574	1.109.489.264
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	6.588.898.136	5.750.305.006
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	313.807.407	246.578.512
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	1.773.185.512	1.454.485.507
<b>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	46.666.662	33.333.330
<b>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	46.666.662	33.333.330
<b>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	199.999.999	188.888.887
<b>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	46.666.662	33.333.330

0011:  
**CÔNG**  
**NHIỆM**  
**PM**  
 M - T.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**44. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	61.543.670.000	64.357.350.000
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	1.415.432.000	-
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	566.697.640	-

**45. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023

Người lập:

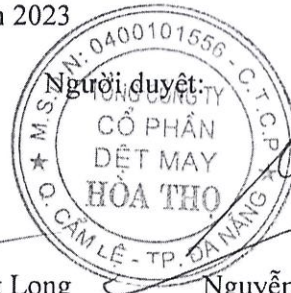


Phạm Anh Thảo  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

